

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 06-01-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

2. Bà Trần Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Thành H, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Lê Thanh V, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Hồ Thị Ngọc D, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(*Bà N có đơn xin vắng mặt, anh H và chị H vắng mặt, anh V và bà D có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng bà N trình bày:

Bà và anh Phạm Thành H là hàng xóm, chị Phạm Thị Thúy H là chị ruột của anh H, bà và chị H có quen biết nên chị H có hỏi bà cho anh H vay tiền để trồng dưa. Ngày 28/02/2022 bà cho anh Phạm Thành H vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 06%/tháng (chỉ thỏa thuận miệng), trả lãi hàng tháng, thời hạn vay là 03 tháng, đến ngày 28/5/2022 trả dứt nợ. Khi vay có làm hợp đồng mượn tiền do bà viết trên mẫu in sẵn, sau khi bà viết xong đưa hợp đồng cho anh H xem và ký tên chỗ “Bên B”. Việc vay tiền có chị H chứng kiến và ký tên xác nhận chỗ người làm chứng. Quá trình vay anh H trả cho bà được 03 tháng tiền lãi với số tiền 3.600.000 đồng, anh H đưa tiền lãi cho chị H rồi chị H đưa lại bà. Sau đó đến ngày 28/5/2022 anh H không trả vốn như thỏa thuận, bà đã đòi nhiều lần nhưng không gặp, bà nhắn chị H thì chị H nói anh H đi trồng dưa, bà chờ gặp anh H để hai bên thỏa thuận nhưng mấy tháng không liên lạc được nên bà khởi kiện ra Tòa án. Nay bà yêu cầu anh H trả số tiền 20.000.000 đồng N khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn anh Phạm Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng anh H trình bày: Chị H là chị ruột của anh, do chị H có giao dịch làm ăn với bà N nên anh có nhờ chị H nói bà N cho anh vay tiền. Vào ngày 28/02/2022 anh vay của bà N số tiền 20.000.000 đồng, có làm hợp đồng mượn tiền do bà N trực tiếp viết trên mẫu in sẵn, anh đọc lại và ký tên, ghi họ và tên ở chỗ “Bên B”; khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng mà không ghi trong hợp đồng, thời hạn vay là 03 tháng, đến ngày 28/5/2022 trả hết nợ. Sau đó anh đã trả lãi cho bà N đầy đủ thông qua chị H, anh đưa chị H tiền lãi trả cho bà N 02 tháng với số tiền 4.000.000 đồng; việc trả lãi không có làm giấy tờ gì. Đến trước ngày 28/5/2022 khoảng vài bữa thì anh có đưa chị H số tiền 20.000.000 đồng vốn và 2.000.000 đồng lãi để chị H trả cho bà N dùm anh, và chị H có nói với anh là chị H đã đưa tiền trả cho bà N xong rồi, sau đó anh có gọi điện thoại cho bà N nói là anh gửi tiền chị H trả cho bà N rồi. Tuy nhiên do tin tưởng bà N nên anh không có yêu cầu bà N làm biên nhận việc anh đã trả hết nợ cho bà N. Sau đó anh có nghe chị H nói là chị H và bà N có gặp mặt với nhau tại nhà chị H và thống nhất là anh đã trả nợ cho bà N xong nên hiện nay anh không còn nợ bà N số tiền 20.000.000 đồng này. Do đó anh không đồng ý trả tiền như yêu cầu khởi kiện của bà N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thúy H đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến trong hồ sơ vụ án.

- Người làm chứng anh Lê Thanh V trình bày: Anh là chồng của chị Phạm Thị Thúy H, anh H là em ruột của chị H. Trước đây anh không biết anh H vay tiền của bà N nhưng đến khoảng sau lễ 2/9 vài ngày thì bà N và chị của bà N có đến nhà vợ chồng anh để đòi tiền chị H, khi đó anh có nghe hai bên nói là anh H có đưa tiền chị H trả cho bà N 20.000.000 đồng nhưng chị H không có đưa cho bà N mà mượn lại và chị H nói với bà N là tính số nợ của anh H vào số tiền chị H còn

nợ bà N luôn và bà N cũng đồng ý, tuy nhiên việc thỏa thuận này không có làm biên bản gì mà chỉ nghe hai bên nói miệng với nhau.

- *Người làm chứng bà Hồ Thị Ngọc D trình bày:* Bà là chị ruột của bà Hồ Thị Ngọc N, bà và bà N có hùn chơi hụi chỗ chị H nên vào khoảng tháng 9/2022 nghe tin chị H bề nợ thì bà có cùng bà N đến nhà chị H để nói chuyện tiền hụi, tại nhà chị H hai bên chỉ trao đổi về số tiền chị H còn nợ hai chị em bà, bà không có nghe bà N và chị H trao đổi gì về số tiền 20.000.000 đồng mà anh H nợ bà N.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Phạm Thành H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thúy H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H và chị H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc N yêu cầu anh Phạm Thành H trả số tiền vốn 20.000.000 đồng.

Chứng cứ bà N cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là hợp đồng mượn tiền ngày 28/02/2022 có chữ ký và chữ viết họ và tên của anh H.

Anh H thừa nhận chữ ký và chữ viết họ và tên ở chỗ “Bên B” trong hợp đồng mà bà N cung cấp cho Tòa án là do anh ký và viết. Anh H cho rằng anh đã đưa chị H 20.000.000 đồng trả cho bà N rồi nên anh không còn nợ bà N nữa, nhưng bà N không thừa nhận và anh cũng không chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngoài ra anh cũng không có nhân chứng chứng kiến trực tiếp việc anh đã trả nợ cho bà N.

Vì vậy đã đủ cơ sở chứng minh anh Phạm Thành H còn nợ bà N số tiền 20.000.000 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp anh H có tranh chấp với chị H về số tiền 20.000.000 đồng mà anh đã đưa chị H nhờ trả cho bà N thì anh H có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Về lãi suất: Bà N không yêu cầu anh H trả tiền lãi và anh H cũng không yêu cầu gì đối với số tiền lãi mà anh đã đóng cho bà N nên Hội đồng xét xử xét không xem xét.

[5] Về thời gian trả tiền: Bà N yêu cầu anh H trả nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét việc anh H chậm thanh toán nợ đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N do đó bà N yêu cầu anh H trả tiền Nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên anh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Xét ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc N.

Buộc anh Phạm Thành H có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Ngọc N số tiền 20.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Phạm Thành H phải nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Hồ Thị Ngọc N số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026592 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám

